

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/KDTM-ST
Ngày: 14/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
2. Ông Đặng Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 và 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLST-KDTM15 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-KDTM ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV X. Địa chỉ trụ sở: Số H, đường cách mạng tháng 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc T.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Trịnh Đình T1, sinh năm 1983 (theo văn bản ủy quyền số 68/ PLXSB-UQ ngày 21/03/2024).

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV X; địa chỉ: Số D, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/03/2024, Công ty X trình bày:

Căn cứ Hợp đồng mua bán số 45/HĐMBSX được ký vào ngày 08/04/2022 giữa Công ty X - TNHH X và Công ty TNHH MTV X, Công ty X đã xuất bán dầu diesel cho Công ty TNHH MTV X.

Theo quy định tại khoản 2.2 điều 2 của hợp đồng về thời gian thanh toán: Công ty TNHH MTV X thanh toán tiền hàng chuyển trước cho Công ty X trước khi nhận hàng chuyển kế tiếp (Công ty X được gởi đầu 01 chuyển 16.000 lít), hạn mức công nợ tại mọi thời điểm không vượt quá 500.00.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Ngày 22/04/2022, Công ty TNHH MTV X mua 16.000 lít dầu DO 0,005S-II, hóa đơn số 4298 với số tiền là: 397.584.000đ. Ngày 12/05/2022, Công ty TNHH MTV X mua thêm 16.000 lít dầu DO 0,005S-II hóa đơn số 4446 với số tiền là: 418.352.000đ. Khách hàng hứa sẽ thanh toán ngay sau khi giao hàng. Nhưng do tình hình kinh tế doanh nghiệp gặp khó khăn, đến ngày 27/09/2022 Công ty TNHH MTV X đã thanh toán số tiền là: 418.352.000đ. Vậy công nợ còn lại với số tiền là: 397.584.000đ.

Công ty X đã tạo điều kiện hỗ trợ và nhiều lần gọi điện đôn đốc thu hồi 58.02 công nợ nhưng Công ty TNHH MTV X luôn để công nợ quá hạn kéo dài không thanh toán đúng theo hợp đồng. Vì vậy, ngày 23/03/2023, Công ty X đã mời đại diện Công ty TNHH MTV X là ông Nguyễn Tấn L đến làm việc tại văn phòng Công ty X. Công ty TNHH MTV X xác nhận công nợ là 397.584.000 đồng và cam kết thanh toán dứt điểm số công nợ trên trước ngày 15/04/2023. Nếu không thanh toán đúng hạn như đã cam kết, Công ty X chịu mọi trách nhiệm theo hợp đồng và pháp luật. Biên bản đã được lập và kí vào lúc 14h30 ngày 23/03/2023. Nhưng thực tế, Công ty TNHH MTV X không thực hiện theo cam kết.

Đến ngày 22/06/2023, Công ty X - TNHH MTV tiếp tục mời đại diện Công ty TNHH MTV X là ông Nguyễn Tấn L đến làm việc tại văn phòng Công ty X. Công ty TNHH MTV X cam kết thanh toán số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) trước ngày 27/06/2023 và số tiền còn lại là 197.584.000 (Một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng chẵn) sẽ thanh toán dứt điểm trong tháng 07/2023. Nếu không thanh toán như cam kết, Công ty X - TNHH MTV sẽ tính lãi công nợ quá hạn và tiến hành thủ tục khởi kiện để thu hồi công nợ.

Do Công ty TNHH MTV X vẫn chưa thanh toán công nợ theo cam kết, vì vậy đến ngày 26/7/2023, Công ty X tiếp tục gửi văn bản số 203A/PLXSB - KTTC về việc thanh toán công nợ quá hạn, đồng thời đề nghị Công ty TNHH MTV X thanh toán công nợ chậm nhất ngày 31/07/2023 nhưng Công ty X không thanh toán công nợ.

Sau đó, ngày 29/09/2023 Công ty TNHH MTV X thanh toán số tiền 50.584.000 đồng (Năm mươi triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng); đến ngày 07/12/2023, Công ty X thanh toán số tiền 11.000.000 đồng; ngày 15/12/2023, công ty tiếp tục thanh toán 9.000.000 đồng. Qua đầu năm 2024, ngày 17/01, Công ty TNHH MTV X thanh toán số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 21/3/2024, tổng nợ gốc tiền hàng còn lại là 277.000.000 đồng.

Từ ngày 17/01/2024 đến nay, Công ty X tiếp tục nhiều lần điện thoại yêu cầu thanh toán công nợ nhưng Công ty TNHH MTV X không thanh toán và không có kế hoạch thanh toán dứt điểm công nợ cho Công ty X. Nay Công ty X đề nghị Tòa án Nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một giải quyết các vấn đề sau:

Buộc Công ty TNHH MTV X phải trả tổng số công nợ là: tổng cộng là 352.591.622 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi là 102.591.622 đồng

Công ty TNHH MTV X trình bày: Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số công nợ mua bán hàng hóa tổng cộng là 352.591.622 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi là 102.591.622 đồng theo Hợp đồng mua bán số: 45/HĐMBSX được ký vào ngày 08/04/2022. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Công ty X được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3700146031 và Công ty TNHH MTV X được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3702880752 và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, đây là tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, được quy định tại Khoản 1, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng mua bán số: 45/HĐMBSX được ký vào ngày 08/04/2022 do Công ty X - TNHH X và Công ty TNHH MTV X, Công ty X đã xuất bán dầu diesel cho Công ty TNHH MTV X, hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận mua bán hàng hóa không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 24 Luật thương mại. Do đó, hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên.

Theo đó, quy định tại khoản 2.2 điều 2 của hợp đồng về thời gian thanh toán: Công ty TNHH MTV X thanh toán tiền hàng chuyển trước cho Công ty X trước khi nhận hàng chuyển kế tiếp (Công ty X được gởi đầu 01 chuyến 16.000 lít), hạn mức công nợ tại mọi thời điểm không vượt quá 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Ngày 22/04/2022, Công ty TNHH MTV X mua 16.000 lít dầu DO 0,005S-II, hóa đơn số 4298 với số tiền là: 397.584.000đ. Ngày 12/05/2022, Công ty TNHH MTV X mua thêm 16.000 lít dầu DO 0,005S-II hóa đơn số 4446 với số tiền là: 418.352.000đ. Khách hàng hứa sẽ thanh toán ngay sau khi giao hàng. Nhưng do tình hình kinh tế doanh nghiệp gặp khó khăn, đến ngày 27/09/2022 Công ty TNHH MTV X đã thanh toán số tiền là: 418.352.000đ. Vậy công nợ còn lại với số tiền là: 397.584.000đ.

Đến ngày 22/06/2023, Công ty X - TNHH MTV tiếp tục mời đại diện Công ty TNHH MTV X là ông Nguyễn Tấn L đến làm việc tại văn phòng Công ty X. Công ty TNHH MTV X cam kết thanh toán số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) trước ngày 27/06/2023 và số tiền còn lại là 197.584.000 (Một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng chẵn) sẽ thanh toán dứt điểm trong tháng 07/2023. Nếu không thanh toán như cam kết, Công ty X - TNHH MTV sẽ tính lãi công nợ quá hạn và tiến hành thủ tục khởi kiện để thu hồi công nợ. Do Công ty TNHH MTV X vẫn chưa thanh toán công nợ theo cam kết, vì vậy đến ngày 26/7/2023, Công ty X tiếp tục gửi văn bản số 203A/PLXSB - KTTC về việc thanh toán công nợ quá hạn, đồng thời đề nghị Công ty TNHH MTV X thanh toán công nợ chậm nhất ngày 31/07/2023 nhưng Công ty X không thanh toán công nợ.

Sau đó, ngày 29/09/2023 Công ty TNHH MTV X thanh toán số tiền 50.584.000 đồng; đến ngày 07/12/2023, Công ty X thanh toán số tiền 11.000.000 đồng; ngày 15/12/2023, công ty tiếp tục thanh toán 9.000.000 đồng. Qua đầu năm 2024, ngày 17/01, Công ty TNHH MTV X thanh toán số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 21/3/2024, tổng nợ gốc tiền hàng còn lại là 277.000.000 đồng, đến ngày 06/8/2024, Công ty TNHH MTV X trả 27.000.000 đồng còn nợ lại là 250.000.000 đồng.

Bị đơn được Tòa án ban hành và tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn cũng không đến

Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm được xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 45/HĐMBSX được ký vào ngày 08/04/2022, xuất hóa đơn và biên bản đối chiếu công nợ, Công ty TNHH MTV X xác nhận công nợ ngày 16/02/2024 đồng là còn thiếu số tiền 277.000.000 đồng đối với Công ty X, ngày 8/8/2024 đã trả 27.000.000 đồng, do bị đơn Công ty TNHH MTV X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn Công ty X yêu cầu Công ty TNHH MTV X thanh toán tổng số công nợ là: 250.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tiền lãi chậm thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán tạm với mức lãi suất là 12,6%/năm không vượt quá mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng x 150% theo quy định là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, Công ty X yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 12/5/2022 đến ngày 8/8/2024 (theo bảng kê tính lãi của nguyên đơn) số tiền lãi là 102.591.622 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty X đối với bị đơn Công ty TNHH MTV X về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng là 352.591.622 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi là 102.591.622 đồng

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp đối với phần được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 254, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty X – Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X phải thanh toán cho Công ty X – Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên, tổng cộng là 352.591.622 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi là 102.591.622 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên X phải chịu là 17.629.581 đồng.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho Công ty X – Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên số tiền 9.180.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền BLTU/24 số 0002355 ngày 05/4/2024, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thắm

